

Số: 419/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy
học kỳ II năm học 2019 – 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Hướng dẫn 294/HD-ĐHDL ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy Trường Đại học Đà Lạt từ học kỳ II năm học 2019-2020 đến 2020-2021;

Căn cứ Thông báo số 327/TB-ĐHDL ngày 24/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên hệ đào tạo chính quy học kỳ II, năm học 2019-2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2019-2020 cho 172 sinh viên hệ đào tạo chính quy, có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. - Số tháng được hưởng: 06 tháng (từ tháng 03/2020 đến 8/2020).

- Số tiền trợ cấp cụ thể như sau:

STT	Đối tượng	SL	Mức TC/1 tháng	Số tháng	Thành tiền
1	CMC	19	100.000	6	11.400.000đ
2	HN	37	100.000	6	22.200.000đ
3	DT-VC	113	140.000	6	94.920.000đ
4	TT	03	100.000	6	1.800.000đ
Tổng cộng					130.320.000đ

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng, trưởng khoa có liên quan và sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, CT&CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TRỢ CẤP XÃ HỘI

Học kỳ II, Năm học 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ-ĐHDL, ngày 4 tháng 6 năm 2020)

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp SV	Tên ĐTTT	Mức TC /Tháng	Số TK	Tên Ngân Hàng	Ghi chú
1	1712912	H'	Như	10/08/1998	CPK41	Con mồ côi	100,000	5219205867620	Agribank	
2	1712917	H' Rit	Niê	16/04/1999	CPK41	Con mồ côi	100,000	5406205247557	Agribank	
3	1712983	K'pă H'	Triu	07/07/1998	CPK41	Con mồ côi	100,000	1014422762	Vietcombank	
4	1913346	H' M'rao	Mlô	01/04/2000	CPK43	Con mồ côi	100,000	5219205934554	Agribank	
5	1913390	Truong Thị Kiều	Trang	19/11/2001	CPK43	Con mồ côi	100,000	5219205932276	Agribank	
6	1913391	Đặng Thị Kim	Trinh	12/08/2001	CPK43	Con mồ côi	100,000	5219205934344	Agribank	
7	1813845	Ksor H'	Kôi	22/12/2000	DLK42B	Con mồ côi	100,000	5406205262731	Agribank	
8	1910639	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nhân	26/06/2001	DLK43B	Con mồ côi	100,000	5911205356742	Agribank	
9	1912638	Vuong Đông	Chuong	27/04/2000	DLK43B	Con mồ côi	100,000	5219205946366	Agribank	
10	1912679	Duong Trùng	Duong	08/11/2001	DLK43C	Con mồ côi	100,000	5400205492069	Agribank	
11	1912761	Phùng Xuân	Hoàng	04/07/2001	DLK43C	Con mồ côi	100,000	0771000606970	VietComBank	
12	1913627	Nguyễn Thị	Lan	24/10/2001	DPK43HQA	Con mồ côi	100,000	5400205490317	Agribank	
13	1811688	Mai Thị Ngọc	Bích	25/10/2000	KTk42	Con mồ côi	100,000	5400205432073	Agribank	
14	1711946	Đỗ Thị Huyền	Trần	13/04/1999	LHK41B	Con mồ côi	100,000	5400205502895	Agribank	
15	1711371	Lê Minh	Đạt	17/06/1999	LHK41C	Con mồ côi	100,000	5406205263553	Agribank	
16	1910493	Huỳnh Hữu	Nông	27/06/2000	LHK43C	Con mồ côi	100,000	5400205484372	Agribank	
17	1911968	Nguyễn Thế	Diệu	12/06/2001	LHK43C	Con mồ côi	100,000	1603205613919	Agribank	
18	1811521	Đặng Thị Bích	Lê	01/06/2000	QTK42	Con mồ côi	100,000	5400205434981	Agribank	
19	1811632	Phạm Thị Thủy	Tiên	10/09/2000	QTK42	Con mồ côi	100,000	5400205431990	Agribank	
20	1612896	Ngọc	Linh	22/09/1998	AVK40D	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572779	VietComBank	
21	1810303	Cill	Kesja	18/08/2000	AVK42C	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000606178	VietComBank	
22	1810271	H	Hieu	24/11/1999	AVK42D	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205438664	Agribank	
23	1914162	Ma	Hinh	11/04/2001	AVK43B	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205492437	Agribank	
24	1914179	Ka	Huu	02/08/2001	AVK43E	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205254523	Agribank	
25	1914190	Ka'	Huynh	07/04/2001	AVK43F	Dân tộc vùng cao	140,000	5408205236837	Agribank	



STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp SV	Tên ĐTTC	Mức TC /Tháng	Số TK	Tên Ngân Hàng	Ghi chú
26	1611759	Cơ Liêng Ma	Si	12/07/1998	CPK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000573858	VietComBank	
27	1611778	Lý Văn	Việt	17/03/1998	CPK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000601162	VietComBank	
28	1612267	Jonumg Sang Nai	Nga	18/06/1998	CPK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000573440	VietComBank	
29	1612269	H'	Ngê	27/08/1998	CPK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000562502	VietComBank	
30	1612290	Jor Long Nai	Trần	11/07/1998	CPK40	Dân tộc vùng cao	140,000	5400201005651	VietComBank	
31	1613153	Rmah H'	Duyên	01/09/1997	CPK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000574810	VietComBank	
32	1712841	Ka'	Hậu	18/03/1999	CPK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205515221	Agribank	
33	1712916	H' Nghiêm	Niê	13/05/1998	CPK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5209205154272	Agribank	
34	1712962	Ka	Thòn	17/07/1999	CPK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205502519	Agribank	
35	1813084	Rơ Ông Ha	Khuyến	30/05/2000	CPK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5401205043822	Agribank	
36	1813098	Rơ Châm Hờ	Lương	12/08/1999	CPK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205428110	Agribank	
37	1813163	Rơ Ông K'	Thi	30/04/2000	CPK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205254076	Agribank	
38	1813179	Liêng Hót K'	Thủy	29/09/2000	CPK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205444877	Agribank	
39	1813181	Ka	Thủy	16/05/2000	CPK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5408205194447	Agribank	
40	1813208	Ksor H'	Xuyên	28/12/2000	CPK42	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000605728	VietComBank	
41	1913335	H' Nữ	Ksor	07/09/2001	CPK43	Dân tộc vùng cao	140,000	5210205129090	Agribank	
42	1913354	Rơ Ông K'	Nguyệt	03/09/2001	CPK43	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205487551	Agribank	
43	1710016	Nah Ria	Mai	06/04/1998	CSK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205502084	Agribank	
44	1710792	Tou Neh	Miu	26/04/1998	CSK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5405205190571	Agribank	
45	1710826	Hoàng Thị Hồng	Nưong	20/11/1999	CSK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205502105	Agribank	
46	1810016	Nông Thị Minh	Hiên	05/01/1999	CSK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5211205113839	Agribank	
47	1612000	Đinh Phạm Lệ	Hương	11/04/1998	DLK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572795	VietComBank	
48	1712418	Ka	Hon	22/08/1999	DLK41A	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000605325	VietComBank	
49	1813381	Ka	Huỳnh	26/11/2000	DLK42A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205433444	Agribank	
50	1813575	Ksor H'	Soai	26/12/2000	DLK42A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205429374	Agribank	
51	1813651	Ka	Thín	17/08/2000	DLK42A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205429272	Agribank	
52	1813706	Ka	Tuyền	06/07/2000	DLK42A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205429300	Agribank	
53	1813451	Ksor	Lý	12/08/2000	DLK42B	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205198812	Agribank	
54	1813711	Châu Thị Thu	Uyên	12/07/2000	DLK42B	Dân tộc vùng cao	140,000	4908205067849	Agribank	
55	1912657	Đinh Sơn	Diễn	08/04/2001	DLK43C	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205520591	Agribank	
56	1612385	Nông Thị Bích	Hành	26/01/1998	DPK40HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572400	VietComBank	
57	1612465	Phạm Anh	Linh	20/11/1997	DPK40HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	3504205103374	Agribank	

4

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp SV	Tên ĐTTT	Mức TC /Tháng	Số TK	Tên Ngân Hàng	Ghi chú
58	1612666	Hoàng Thị Bích	Trinh	12/04/1998	DPK40HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572396	VietComBank	
59	1713214	Vòng Ngọc	Long	26/09/1999	DPK41HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205510263	Agribank	
60	1713519	Cao Thị	Yến	24/01/1997	DPK41HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	0341006974434	VietComBank	
61	1713166	Ka'	Huyn	04/08/1999	DPK41NB	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205500378	Agribank	
62	1810778	Vy Hoàng Phụng	Anh	01/02/2000	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205438063	Agribank	
63	1810970	Hoàng Thị	Loan	16/11/2000	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205435876	Agribank	
64	1811005	H' Sam	Miô	29/10/1999	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205435302	Agribank	
65	1811088	Nay	Oên	12/03/1999	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5007205108403	Agribank	
66	1811107	Ma	Phượng	08/07/2000	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205437967	Agribank	
67	1811112	Migrên Tou	Prong	12/01/2000	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205437967	Agribank	
68	1811135	Hân Ngọc Bích	Sam	01/06/2000	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	4908205067799	Agribank	
69	1811203	Nguyễn K' Hoài	Thương	10/11/2000	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205436305	Agribank	
70	1811207	Hoàng Thị Bích	Thúy	18/01/2000	DPK42HQ	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205490483	Agribank	
71	1913522	Cao Hồng	Hải	28/05/2001	DPK43HQA	Dân tộc vùng cao	140,000	5209205216262	Agribank	
72	1913688	H' Mi Riam	Miô	25/12/2000	DPK43HQA	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205454950	Agribank	
73	1913843	Kơ Să Lus	Si	24/04/2001	DPK43HQA	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205490789	Agribank	
74	1913916	Hà Thị Thu	Thúy	29/11/2001	DPK43HQA	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205487778	Agribank	
75	1914904	Trịnh Thị	Thanh	01/06/2001	DPK43HQB	Dân tộc vùng cao	140,000	5404205381607	Agribank	
76	1913468	K'	Dan	03/02/2001	DPK43HQB	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205486650	Agribank	
77	1913641	Bùi Thị	Linh	23/12/2001	DPK43HQB	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205490720	Agribank	
78	1913462	Sa	Chia	24/06/2001	DPK43HQB	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205490708	Agribank	
79	1913838	K'	Rim	14/03/2000	DPK43HQB	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205485477	Agribank	
80	1913783	H. Sơ - Lo	Niê	29/01/2001	DPK43NB	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205490323	Agribank	
81	1913844	Trương Văn	Sinh	26/01/2000	DPK43NB	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205484661	Agribank	
82	1910405	H-Soun	Niê	23/04/2001	KTK43	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205493814	Agribank	
83	1911841	H Lát	Niê	20/11/2001	KTK43	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572168	VietComBank	
84	1611273	H Lén Buôn	Dap	31/01/1998	LHK40A	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572563	VietComBank	
85	1611348	Ka'	Hiên	01/03/1998	LHK40A	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000574597	VietComBank	
86	1611554	Hoàng Thị	Phượng	04/06/1998	LHK40A	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000564421	Vietcombank	
87	1611610	Hoàng Văn	Thảo	04/12/1998	LHK40A	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000562996	Vietcombank	
88	1611643	Nguyễn Luân	Thường	12/10/1998	LHK40A	Dân tộc vùng cao	140,000	5408205265598	Agribank	
89	1611645	Ka	Thư	06/09/1998	LHK40A	Dân tộc vùng cao	140,000			

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp SV	Tên ĐTTT	Mức TC /Tháng	Số TK	Tên Ngân Hàng	Ghi chú
90	1611663	Trần Thị Bảo	Tin	02/09/1998	LHK40A	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572554	Vietcombank	
91	1611366	H Diu	Hiem	17/08/1998	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572317	Vietcombank	
92	1611385	Lý Thị Minh	Huê	24/06/1998	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205507167	Agribank	
93	1611532	H' Yeu	Niê	10/05/1997	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000574583	VietComBank	
94	1611581	K'	Som	02/01/1998	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205507007	Agribank	
95	1611657	Ka Sa Ha	Tiên	16/10/1995	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000573551	VietComBank	
96	1613330	Rmah	Huynh	25/10/1998	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000573880	Vietcombank	
97	1613344	Les	Sân	15/04/1995	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000568169	VietComBank	
98	1613346	Lý Thị	Thom	04/01/1998	LHK40B	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205262748	Agribank	
99	1711347	Ka	Chi	25/12/1999	LHK41A	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205262748	Agribank	
100	1711521	Cao Thị	Huong	01/11/1999	LHK41A	Dân tộc vùng cao	140,000	4711205020769	AgriBank	
101	1711672	Tơ Ngòi	Não	04/04/1999	LHK41A	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205162250	Agribank	
102	1711701	Ka'	Nhài	12/08/1999	LHK41A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205515209	Agribank	
103	1711811	K'	Soai	11/03/1999	LHK41A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205510228	Agribank	
104	1712033	K'	Vi	08/05/1997	LHK41A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205515296	Agribank	
105	1711420	Phùng Thị	Duyên	15/10/1999	LHK41B	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205502640	Agribank	
106	1711735	H' Duyệt	Niê	01/07/1999	LHK41B	Dân tộc vùng cao	140,000	5209205180917	Agribank	
107	1711736	H Ngăn	Niê	08/02/1999	LHK41B	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205262760	Agribank	
108	1711840	Ka	Tham	30/10/1999	LHK41B	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205170156	Agribank	
109	1712061	Đinh Thị	Xéo	25/04/1999	LHK41B	Dân tộc vùng cao	140,000	5209205180896	AgriBank	
110	1711738	H' Ruoi	Niê	26/11/1998	LHK41C	Dân tộc vùng cao	140,000	5208205228507	AgriBank	
111	1711739	H'Bi	Niê	09/11/1998	LHK41C	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000628941	Vietcombank	
112	1711970	Nông Thị	Trinh	29/01/1999	LHK41C	Dân tộc vùng cao	140,000	5213205803140	AgriBank	
113	1712007	Hoàng Thị	Tuyền	24/09/1999	LHK41C	Dân tộc vùng cao	140,000	5225205107104	Agribank	
114	1812041	Phùng Văn	Hợp	27/12/2000	LHK42A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205440167	Agribank	
115	1812001	Ka	Hệ	09/12/2000	LHK42C	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205428779	Agribank	
116	1812167	K'	Miền	24/08/2000	LHK42C	Dân tộc vùng cao	140,000	8304205047401	Agribank	
117	1812201	Hoàng Văn	Nghĩa	24/08/2000	LHK42C	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205440269	AgriBank	
118	1811954	Tou Prong Nai	Dzum	06/08/2000	LHK42D	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205442871	Agribank	
119	1812162	Nah Ria	Mân	15/12/2000	LHK42D	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205484915	Agribank	
120	1910492	H Ngăn	Niê	02/01/2001	LHK43A	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000568963	VietComBank	
121	1611842	Cũ Pam Ly	Sa	28/06/1997	LSK40	Dân tộc vùng cao	140,000			

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp SV	Tên ĐTTC	Mức TC /Tháng	Số TK	Tên Ngân Hàng	Ghi chú
122	1610557	Mông Thị	Thu	23/03/1998	NHK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000572917	Vietcombank	
123	1610561	Bonahria	Từ	16/02/1998	NHK40	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000573964	Vietcombank	
124	1710690	K'	Sàng	24/07/1999	NHK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205510211	Agribank	
125	1812963	Cao Thị Thúy	Nay	12/10/1998	NHK42	Dân tộc vùng cao	140,000	4711205026707	Agribank	
126	1711203	Phan Thị	Thom	29/03/1999	QTK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205481628	Agribank	
127	1811633	Hoàng Ngọc	Tiến	01/07/2000	QTK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205432826	Agribank	
128	1911432	Lương Văn	Chung	02/06/1990	QTK43A	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205387687	Agribank	
129	1610447	Rơ Ông K'	Jang	13/07/1997	SHK40SP	Dân tộc vùng cao	140,000	0561000573856	VietComBank	
130	1610067	K'	Lập	04/02/1998	TNK40SP	Dân tộc vùng cao	140,000	5400205511657	Agribank	
131	1710011	Đạt Thanh	Tùng	16/10/1998	VTK41	Dân tộc vùng cao	140,000	5406205178482	Agribank	
132	1810631	K'	Lúys	15/05/2000	XHK42	Dân tộc vùng cao	140,000	5408205272751	Agribank	
133	1612880	Hồ Nguyễn Văn	Khánh	24/03/1998	AVK40D	Hộ nghèo	100,000	0561000573520	Vietcombank	
134	1713779	Lê Thị	Lý	27/04/1999	AVK41B	Hộ nghèo	100,000	5400205389393	Agribank	
135	1713646	Hứa Thành	Đại	23/07/1982	AVK41F	Hộ nghèo	100,000	0811000021168	Vietcombank	
136	1810280	K'	Hoan	17/05/2000	AVK42C	Hộ nghèo	100,000	5404205423454	Agribank	
137	1914882	A	Tế	11/10/2001	AVK43C	Hộ nghèo	100,000	5400205499182	Agribank	
138	1914351	Đỗ Thị Phương	Thảo	03/05/2001	AVK43F	Hộ nghèo	100,000	4902205065757	Agribank	
139	1712825	Nguyễn Thế Mạnh	Dũng	07/10/1998	CPK41	Hộ nghèo	100,000	5400205502498	Agribank	
140	1712918	H Thu	Niê	25/12/1997	CPK41	Hộ nghèo	100,000	5406205182228	Agribank	
141	1813169	Ka	Thoan	20/02/2000	CPK42	Hộ nghèo	100,000	5400205440824	Agribank	
142	1710166	Ngô Thị	Hằng	01/10/1999	CTK41	Hộ nghèo	100,000	5400205502808	Agribank	
143	1613391	Nguyễn Thị Hoa	Mai	17/07/1998	DLK40	Hộ nghèo	100,000	1013142979	Vietcombank	
144	1813456	Hà	Mạnh	01/06/2000	DLK42B	Hộ nghèo	100,000	1603205574238	Agribank	
145	1612406	Hà Thị	Hoài	16/12/1998	DPK40HQ	Hộ nghèo	100,000	0561000572904	Vietcombank	
146	1612527	Hoàng Thị	Nhung	05/03/1998	DPK40HQ	Hộ nghèo	100,000	5223205096417	Agribank	
147	1612469	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	24/02/1998	DPK40NB	Hộ nghèo	100,000	5305205124290	Agribank	
148	1710028	Hà Lôn Mơ	Phanh	20/11/1998	DPK41HQ	Hộ nghèo	100,000	5406205197198	Agribank	
149	1713470	Đoàn Cẩm	Tù	09/03/1999	DPK41HQ	Hộ nghèo	100,000	3904205079092	Agribank	
150	1713084	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	04/10/1999	DPK41NB	Hộ nghèo	100,000	4304205157155	Agribank	
151	1713383	Ngư Thị Ngọc	Thi	23/11/1999	DPK41NB	Hộ nghèo	100,000	5400205500361	Agribank	
152	1810918	Nguyễn Thị	Huyền	19/05/2000	DPK42HQ	Hộ nghèo	100,000	5400205435882	Agribank	
153	1811166	Địch Thị	Thảo	20/11/2000	DPK42HQ	Hộ nghèo	100,000	5400205442576	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp SV	Tên ĐTTC	Mức TC /Thang	Số TK	Tên Ngân Hàng	Ghi chú
154	1811187	Nguyễn Thị Minh	Thoa	23/02/2000	DPK42HQ	Hộ nghèo	100,000	5400205505660	Agribank	
155	1610353	Mai Văn	Khâm	16/09/1998	HNK40	Hộ nghèo	100,000	5406205244253	Agribank	
156	1910407	Nguyễn Thị	Phuong	04/08/2001	KTK43	Hộ nghèo	100,000	3615205312720	Agribank	
157	1711806	Đinh Thị Kim	Sanh	13/07/1999	LHK41A	Hộ nghèo	100,000	5400205501466	Agribank	
158	1813843	Rơ Ông K'	Vương	03/05/2000	LHK42A	Hộ nghèo	100,000	5400205498716	Agribank	
159	1813885	K'ă Jân K'	Nghi	05/03/2000	LHK42A	Hộ nghèo	100,000	5400205498772	Agribank	
160	1810004	H Nhét	Byă	16/10/1999	LHK42B	Hộ nghèo	100,000	5210205117640	Agribank	
161	1812148	Nguyễn Văn	Luân	09/03/2000	LHK42B	Hộ nghèo	100,000	4610205241105	Agribank	
162	1712258	Đoàn Thị	Thanh	31/12/1998	LSK41SP	Hộ nghèo	100,000	5406205164856	Agribank	
163	1812956	Ma Xeo	Lê	11/12/1998	NHK42	Hộ nghèo	100,000	5400205443273	Agribank	
164	1812997	Cao Thị	Tiền	11/04/2000	NHK42	Hộ nghèo	100,000	1603205574165	Agribank	
165	1911394	Phạm Thị Phương	Thảo	20/09/2000	NHK43	Hộ nghèo	100,000	5400205493729	Agribank	
166	1711205	Nguyễn Thị Vân	Thu	02/08/1998	QTK41	Hộ nghèo	100,000	5400205505307	Agribank	
167	1911563	Đặng Phương	Nam	21/01/2001	QTK43A	Hộ nghèo	100,000	5491205409808	Agribank	
168	1610300	Ksor	Bót	19/05/1995	VTK40	Hộ nghèo	100,000	0561000573949	VietComBank	
169	1813791	Cil K'	Bé	30/03/2000	XHK42	Hộ nghèo	100,000	5406205253928	Agribank	
170	1610633	Đỗ Nhật	Huy	26/02/1998	CSK40	Sinh Viên Tàn Tật	100,000	0561000573447	VietComBank	
171	1710891	Nguyễn Quang	Tùng	08/05/1999	CSK41	Sinh Viên Tàn Tật	100,000	0561000596522	Vietcombank	
172	1710254	Nguyễn Thanh	Sang	20/10/1998	CTK41	Sinh Viên Tàn Tật	100,000	5400205502787	Agribank	

Tổng cộng: 172 SV

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Minh Thuận